

VỀ DI SẢN VĂN HÓA

Ở CÙ LAO PHỐ

THS. PHAN ĐÌNH DŨNG

Từ thác Trị An đổ ra biển Đông, dòng chảy sông Đồng Nai để lại nhiều cù lao lớn nhỏ. Tới địa phận Biên Hòa, dòng sông chia ra làm hai nhánh ôm trọn một dải đất có: “địa thế khuất khúc chạy tới hình con hoa cù (tức con rồng có sừng) uốn giỡn giữa biển nước”. Đó chính là Cù lao Phố, còn có tên gọi là Đông Phố Cù Châu, Giản Phố, Bãi Rồng hay Nông Nại Đại Phố¹. Đây là một thương cảng sầm uất nhất Nam Bộ vào thế kỷ XVII, XVIII, nay thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa của tỉnh Đồng Nai.

Sử sách chép về Đồng Nai - Gia Định xưa cho biết: vào tháng 5 năm Kỷ Vị (1679) Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, không phục nhà Thanh đã dẫn 3.000 người với 50 chiến thuyền nhập cửa biển Tư Dung (Đà Nẵng) xin định cư ở nước ta. Chúa Nguyễn chấp thuận và sai các tướng Văn Trình, Văn Chiêu hướng dẫn cho vào đất Đông Phố. Nhóm Long Môn của Dương Ngạn Địch theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư tại Mỹ Tho. Nhóm Cao, Lôi, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ đến sinh sống ở xứ Bàn Lân (tức Biên Hòa ngày nay). Khi đến vùng Cù

lao Phố, Trần Thượng Xuyên thấy địa hình này có ưu thế cho việc phát triển nông nghiệp, lại thuận tiện giao thông thủy, bộ; có lợi cho việc buôn bán nên đã xây dựng nơi đây thành một thương cảng. Đường xá ở Cù lao Phố được mở mang, phố xá được tạo dựng, chợ búa được thành lập, hàng hóa dồi dào, thường xuyên có nhiều tàu nước ngoài đến buôn bán. Cảnh phồn vinh, sầm uất của Cảng thị này đã được sử sách ghi chép: “Trần Thượng Xuyên tướng quân chiêu mộ người buôn nước Tàu đến khai thác. Nông Nại đại phố ở đầu phía Tây Cù lao Đại Phố được kiến thiết phố xá, mái ngói tường vôi, lầu cao quán rộng, dọc theo bờ sông liên lạc tới năm dặm. Chia vạch làm ba đường phố: đường phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang lót đá ong, phố nhỏ lót đá xanh, đường rộng bằng phẳng.

Kẻ buôn tụ tập, ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đều neo liên tiếp nhau, ấy là một chỗ đại đô hội. Những nhà buôn bán lớn, duy ở đây là nhiều hơn².

Trong lịch sử phát triển, Cù lao Phố là một cảng sông nằm sâu trong nội địa, có nhiều ưu thế về thương mại.

Vùng Cù lao Phố là nơi sớm tập trung các ngành nghề thủ công: dệt chiếu, dệt tơ lụa, làm gốm, mộc, đúc đồng, làm pháo, trồng mía, nấu đường... Đương thời Cù lao Phố còn tiếp nhận các nguồn hàng hóa từ nhiều nơi như một đầu mối để từ đây bán cho các nơi khác.

Sử sách cho biết đến nửa cuối thế kỷ XVIII, thương cảng Cù lao Phố đã phát triển mạnh mẽ trên phạm vi của thị trường lớn trong nước và ngoài nước. Nhưng, sau đó Cù lao Phố bị tàn phá nặng nề (qua cuộc bạo loạn của thương nhân người Phước Kiến là Lý Văn Quang vào năm 1747); và biến động lịch sử vào năm 1776, *"...từ đấy chỗ nầy biến thành gò hoang, sau khi trung hưng, người ta tuy có trở về, nhưng dân số không được một phần trăm lúc trước"*.

Tuy nhiên, vốn là một thương cảng sầm uất, Cù lao Phố đã là nơi được xây dựng nhiều kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, với 5 ngôi chùa, 3 tịnh xá và 11 ngôi đình, một bảo toà Cao Đài, nhiều ngôi miếu... Trong đó, hiện có 4 di tích được nhà nước xếp hạng. Một trong những di tích tiêu biểu ở đây là miếu Quan Đế (còn gọi là Thất phủ cổ miếu/ chùa Ông). Sử sách cho biết miếu điện này khá nguy nga ở phía Nam châu Đại Phố, ngó ra sông Phước Long (Đồng Nai), đến đài rộng rãi, tráng lệ với hai hội quán Phước Châu và Quảng Đông. Miếu Quan Đế vẫn là một công trình kiến trúc nghệ thuật khá độc đáo với những tượng phù điêu chạm khắc bằng đá, gồm liên hoàn, thể hiện nhiều đề tài dân gian sinh động.

Ở đây còn đền thờ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh - người có công lớn với vùng đất Nam Bộ, khi ông đi kinh lược, và thiết lập chế độ hành chánh ở vùng đất này vào năm 1698. Đền thờ Lễ công được Trịnh Hoài Đức đánh giá là: "miếu võ trang nghiêm" được xây dựng trên một địa điểm mà cảnh quan tự nhiên được coi là "địa linh". "Trước mặt đền ngó xuống sông Phước Long, lấy tảng đá lớn làm thủy thành, dưới đáy có con cá gáy hấp gió giỡn sóng, bơi lượn ra vào, khi gió mưa tiếng nước chọi vào đá vang ồ ạt, sóng dậy chập chờn; thanh oai lẫm liệt". Vào năm 1998 - nhân dịp lễ kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển đất Đồng Nai, trong khuôn viên di tích xưa, bia và tượng tưởng

niệm danh tướng Nguyễn Hữu Cảnh đã được xây dựng.

Ngoài hai công trình kiến trúc được coi là tiêu biểu trên, nơi đây còn có các đình chùa như chùa Đại Giác, chùa Thủ Huồng, chùa Phước Hội, đình Bình Tự, Tân Giám... gắn liền với tích truyện cổ, còn đọng sâu trong lòng người.

Chùa Đại Giác được xem là một trong ba ngôi danh lam cổ tự xứ Biên Hoà. Lịch sử chùa còn gắn liền với tích truyện về nhà Nguyễn: Trước đây, trên đường bôn tẩu, Gia Long đã từng nương náu ở chùa này. Nay (1802), được lên ngôi hoàng đế, ông đã chỉ dụ cho quan quân địa phương (trấn Biên Hòa) đưa binh thợ đến xây cất và cho tượng binh đem voi đến dặm nền chùa. Vì vậy, sau này chùa Đại Giác còn được gọi là chùa Tượng (chùa Voi). Dịp này, Gia Long đã cúng cho chùa Đại Giác một pho tượng Phật A Di Đà bằng gỗ mít lớn, cao 2,25 mét, nên nhân dân địa phương còn gọi chùa Đại Giác là chùa Phật lớn. Năm 1820, vua Minh Mạng tiếp tục cho tu sửa mở rộng nhà giảng và Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh đã cúng cho chùa tấm biển tên chùa "Đại Giác tự" sơn son thếp vàng, bên phải có khắc: "Tiên triều Hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh". Chùa Đại giác còn gắn liền với câu chuyện tình nơi cửa Phật đầy bi cảm của một Hoàng cô với nhà sư. Sức mạnh của tình yêu lứa đôi và sức mạnh của niềm tin Phật pháp trong câu chuyện như vẫn còn nhắc nhở cho hậu thế những bài học đầy cảm động.

Chùa Thủ Huồng gắn với tích truyện về nhân vật là thư lại vốn gian tham, gây bao tội lỗi, sau khi giác ngộ nhân vật Thủ Huồng đã tự bán của cải để bố thí cho người nghèo, giúp người sa cơ lỡ vận... nên cuối cùng đời đã được thanh thản và chuyển kiếp làm người có địa vị hiển vinh. Ngôi chùa Hoàng Ân với những tích truyện có nhiều yếu tố huyền thoại, thể hiện triết lý nhân sinh sâu sắc như muốn nhắc nhở con người cần có lòng từ bi, bác ái. Và, lẽ đời không chỉ ở kiếp sau mà ở ngay cả khi mình đang sống.

Nhiều đình, chùa, miếu, mộ, nhà ở trên Cù

(Xem tiếp trang 106)

bằng cách thấp hương. Có cái gì ẩn chứa trong tâm, sao mà đắm ám thế...!

Tôi lại nhớ, có những buổi diễn dã tại miền Trung - từ Hà Tĩnh trở vào, đó đây tại những nghĩa trang, hình tượng ngôi mộ dạng công chiêng có núp đã xuất hiện. Nếu như xưa kia ở đất Bắc, thông thường sau khi cải táng, người ta thường đắp mộ đất cho "kiếp đời đã qua" dưới dạng nấm tròn; sau này, khi xây mộ, người ta cũng xây tròn với ba cấp trở lên, với tư duy liên tưởng mệnh mông để thể hiện ước vọng cầu cho linh hồn của người thân được phiêu diêu vào cõi thường hằng của vũ trụ bao la, được siêu thoát khỏi thế gian đầy tục lụy. Trên địa bàn từ Hà Tĩnh trở vào, thì nấm mồ siêu thoát ấy được thể hiện dưới dạng chiếc công có núp. Qua điều tra, bước đầu chúng tôi được trả lời: người xưa làm thế, nay làm theo,... nhờ thế mà linh hồn tổ tiên mới siêu thoát. Phải chăng hình thức đó cũng là một biểu tượng cho tầng trên, khiến chúng tôi càng ngỡ rằng chiếc công có núp là một biểu tượng về hình thể của cõi thường hằng (thượng giới).

Như vậy, một ý nghĩa cứ ám ảnh trong bộ óc

non nớt của những con người mới chập chững bước vào nghề nghiên cứu như chúng tôi, là: Cái vật thể hữu hình, ở một chừng mực và hoàn cảnh nào đó, chỉ như cái "xe" cồng trên lưng nó một ý nghĩa thuộc văn hóa phi vật thể "mệnh mông ngang tầm trái đất" (câu nói của cố Giáo sư Từ Chi).

Vậy thì, chúng tôi mong những quan tâm tới vấn đề này, hãy vượt qua những nghiên cứu bước đầu (mà máy móc có thể làm thay) để dẫn dắt quần chúng, ít nhất là những người học trò như chúng tôi, không bị rơi vào sự ồn ào của công chiêng với kích thước to nhỏ, hay gõ bằng cái gì (thuộc yếu tố "thể")... Điều chúng tôi cần là những ý nghĩa nó đã chở theo (yếu tố "mật"), để có điều kiện nâng cao hơn nữa lòng yêu quê hương xứ sở, yêu quý con người trên dòng trôi chảy của bản sắc văn hóa dân tộc (yếu tố "dụng") đúng như tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã chỉ ra.

N.L.

(Xem tiếp trang 93)

lao Phố gắn liền với quá trình phát triển của cư dân và lịch sử vùng đất này. Những di tích văn hoá đó thể hiện tín niệm của cộng đồng, những nét tài hoa trong kiến trúc, của ngành nghề thủ công truyền thống đã gắn với nhiều sự kiện lịch sử đấu tranh hào hùng trong suốt chặng đường lịch sử. Gắn với những thiết chế di tích là các lễ hội đình làng, chùa chiền của bao thế hệ đã từng sinh sống. Những tích truyện, hò, vè... cùng những kinh nghiệm sống được đúc kết, những bí quyết của nghề truyền thống... trở thành những giá trị di sản làm phong phú văn hoá Đồng Nai trong tính đa dạng.

*
* *

Trong quy hoạch phát triển của đô thị Biên Hoà, với vị thế của một vùng đất có bề dày văn hoá, ẩn chứa những giá trị lịch sử và địa thế của một cù lao trong lòng phố thị Biên Hoà, Cù lao Phố sẽ phát triển thành một vùng du lịch

sinh thái hấp dẫn. Và chắc chắn, những giá trị di sản văn hoá của vùng đất này sẽ được bảo tồn và phát huy có hiệu quả trong hướng quy hoạch phát triển này.

D.D.D

Chú thích & Tài liệu tham khảo:

- 1 - Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí* (tập thượng, trung, hạ), bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Nha văn hoá, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xuất bản năm 1974.
- 2 - Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*. (sdd).
- 3 - Trịnh Hoài Đức: *Gia Định thành thông chí*. (sdd).
- 4 - Nhiều tác giả: *Cù lao Phố - Lịch sử & văn hoá*, Nxb. Đồng Nai, 1998.
- 5 - Nhiều tác giả: *Địa chí Đồng Nai*, tập 3 - Lịch sử, Nxb. Đồng Nai, 2001.
- 6 - Nhiều tác giả: *Đồng Nai - di tích lịch sử văn hoá*, Nxb. Đồng Nai, 2004.
- 7 - Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng: *Văn hoá Đồng Nai (sơ thảo)*, Nxb. Đồng Nai 2005.
- 8 - Và một số tư liệu trong *Hồ sơ di tích* lưu tại Bảo tàng Đồng Nai.